

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 2460/2020/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1991.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1989.

Cùng hộ khẩu thường trú: xã Đ, huyện Đ1, tỉnh H.

Cùng địa chỉ tạm trú: tổ 8 và 9, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Phí và Lệ Phí năm 2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 12 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Ngọc A và ông Nguyễn**

Văn M.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Ngọc A và ông Mạnh có 01 con chung tên Nguyễn Lê Trường A1, sinh ngày 16/6/2019. Ly hôn, ông bà thỏa thuận giao cháu Nguyễn Lê Trường A1 cho bà Lê Thị Ngọc A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Nguyễn Văn M cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Trường A1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ông M không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc A tự nguyện nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm hòa giải thành và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007392/THA ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ1, tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Phú**